

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Quản lý kế hoạch giảng dạy

-oOo-

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
1	841021	Kiến trúc máy tính	3	90	Huỳnh Tô Hạp	20790	01		4	6	2	C.A302	DCT1261	*****
2			3	90	Huỳnh Tô Hạp	20790			7	3	3	C.B109	DCT1261	*****
3	841021	Kiến trúc máy tính	3	90	Huỳnh Tô Hạp	20790	02		3	6	3	C.E603	DCT1262	*****
4			3	90	Huỳnh Tô Hạp	20790			3	9	2	C.E603	DCT1262	*****
5	841021	Kiến trúc máy tính	3	90	Hà Thanh Dũng	11544	03		2	1	3	C.E603	DCT1263	*****
6			3	90	Hà Thanh Dũng	11544			2	4	2	C.E603	DCT1263	*****
7	841021	Kiến trúc máy tính	3	90	Hà Thanh Dũng	11544	04		3	1	3	C.E603	DKP1261	*****
8			3	90	Hà Thanh Dũng	11544			3	4	2	C.E603	DKP1261	*****
9	841021	Kiến trúc máy tính	3	90	Huỳnh Tô Hạp	20790	05		5	6	3	C.E603	DCT1264	*****
10			3	90	Huỳnh Tô Hạp	20790			5	9	2	C.E603	DCT1264	*****
11	841021	Kiến trúc máy tính	3	90	Hà Thanh Dũng	11544	06		3	6	3	C.A303	DNT1261	*****
12			3	90	Hà Thanh Dũng	11544			3	9	2	C.A303	DNT1261	*****
13	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	01		2	1	2	1.C305	DCT1251	*****
14			4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271			2	3	3	1.C305	DCT1251	*****
15	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271	02		2	6	3	1.C302	DCT1252	*****
16			4	50	Nguyễn Thị Hồng Anh	11271			2	9	2	1.C302	DCT1252	*****
17	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Trần Nguyễn Minh Hiếu	10615	03		5	1	2	C.E203	DCT1253	*****
18			4	50	Trần Nguyễn Minh Hiếu	10615			5	3	3	C.E203	DCT1253	*****
19	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	04		6	1	3	1.C305	DCT1254	*****
20			4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227			6	4	2	1.C305	DCT1254	*****
21	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227	05		5	1	3	1.C104	DCT1255	*****
22			4	50	Phùng Thái Thiên Trang	10227			5	4	2	1.C104	DCT1255	*****
23	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Thanh Sang	10991	06		3	6	2	C.E605	DKP1251	*****
24			4	50	Nguyễn Thanh Sang	10991			3	8	3	C.E605	DKP1251	*****

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
25	841044	Phương pháp lập trình hướng đối tượng	4	50	Nguyễn Thanh Sang	10991	07		2	1	3	C.A309	DNT1251	*****
26			4	50	Nguyễn Thanh Sang	10991			2	4	2	C.A309	DNT1251	*****
27	841047	Công nghệ phần mềm	4	85	Từ Lăng Phiêu	11636	01		4	6	3	1.C304	DCT1241	*****
28			4	85	Từ Lăng Phiêu	11636			4	9	2	1.C304	DCT1241	*****
29	841047	Công nghệ phần mềm	4	85	Từ Lăng Phiêu	11636	02		3	1	3	1.C305	DCT1242	*****
30			4	85	Từ Lăng Phiêu	11636			3	4	2	1.C305	DCT1242	*****
31	841047	Công nghệ phần mềm	4	85	Từ Lăng Phiêu	11636	03		3	6	2	1.A202	DCT1243	*****
32			4	85	Từ Lăng Phiêu	11636			3	8	3	1.A202	DCT1243	*****
33	841047	Công nghệ phần mềm	4	85	Từ Lăng Phiêu	11636	04		6	6	3	1.A101	DCT1244	*****
34			4	85	Từ Lăng Phiêu	11636			6	9	2	1.A101	DCT1244	*****
35	841047	Công nghệ phần mềm	4	85	Từ Lăng Phiêu	11636	05		4	1	3	C.A208	DCT1245	*****
36			4	85	Từ Lăng Phiêu	11636			4	4	2	C.A208	DCT1245	*****
37	841047	Công nghệ phần mềm	4	80	Nguyễn Quốc Huy	10600	06		6	6	2	1.C104	DKP1241	*****
38			4	80	Nguyễn Quốc Huy	10600			6	8	3	1.C004	DKP1241	*****
39	841047	Công nghệ phần mềm	4	85	Nguyễn Quốc Huy	10600	07		3	6	3	1.C104	DNT1241	*****
40			4	85	Nguyễn Quốc Huy	10600			3	9	2	1.C104	DNT1241	*****
41	841070	Thực tập tốt nghiệp (DCT)	6	400			01		2	1	5	TTSP07	DCT1223	*****
42			6	400					2	6	5	TTSP07	DCT1223	*****
43			6	400					3	1	5	TTSP02	DCT1223	*****
44			6	400					3	6	5	TTSP02	DCT1223	*****
45			6	400					4	1	5	TTSP02	DCT1223	*****
46			6	400					4	6	5	TTSP07	DCT1223	*****
47			6	400					5	1	5	TTSP02	DCT1223	*****
48			6	400					5	6	5	TTSP07	DCT1223	*****
49			6	400					6	1	5	TTSP04	DCT1223	*****
50			6	400					6	6	5	TTSP07	DCT1223	*****
51	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	140	Phạm Thi Vương	11426	01		6	6	3	C.E603	DCT1221	*****
52	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	140	Phạm Thi Vương	11426	02		7	3	3	C.E503	DCT1222	*****
53	841072	Các công nghệ lập trình hiện đại	3	140	Phạm Thi Vương	11426	03		7	6	3	C.E603	DKP1221	*****

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
54	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	85	Phan Nguyệt Minh	11541	01		2	6	3	C.A303	DCT1241	*****
55			4	85	Phan Nguyệt Minh	11541			6	6	3	C.E503	DCT1241	*****
56	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	85	Phan Nguyệt Minh	11541	02		4	6	3	C.D401	DCT1242	*****
57			4	85	Phan Nguyệt Minh	11541			5	6	3	C.A303	DCT1242	*****
58	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	85	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	03		2	6	3	1.A202	DCT1243	*****
59			4	85	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556			2	9	3	1.A202	DCT1243	*****
60	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	85	Hoàng Mạnh Hà	10875	04		5	6	3	C.A304	DCT1244	*****
61			4	85	Hoàng Mạnh Hà	10875			7	1	3	C.A208	DCT1244	*****
62			4	85	Hoàng Mạnh Hà	10875			7	4	2	C.A208	DCT1244	*****
63	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	85	Nguyễn Lê Thanh Trúc	11637	05		2	9	3	1.A201	DCT1245	*****
64			4	85	Nguyễn Lê Thanh Trúc	11637			4	6	3	1.A201	DCT1245	*****
65	841111	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	4	85	Nguyễn Lê Thanh Trúc	11637	06		2	6	3	1.A201	DKP1241	*****
66			4	85	Nguyễn Lê Thanh Trúc	11637			4	9	3	1.A201	DKP1241	*****
67	841120	An toàn và bảo mật dữ liệu trong HTTT	3	90	Trương Tấn Khoa	11384	01		5	6	3	1.A202	DKP1231	*****
68			3	90	Trương Tấn Khoa	11384			5	9	2	1.A202	DKP1231	*****
69	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383	01		5	6	3	C.A302	DCT1261	*****
70			4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383			5	9	2	C.A302	DCT1261	*****
71			4	50	Trịnh Tấn Đạt	11383			7	1	3	C.A308	DCT1261	*****
72	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Trần Việt Chương	11798	02		2	6	3	C.A208	DCT1262	*****
73			4	50	Trần Việt Chương	11798			2	9	2	C.A208	DCT1262	*****
74			4	50	Trần Việt Chương	11798			4	1	5	C.A206	DCT1262	***
75	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Trung Tín	11377	03		2	1	5	C.A301	DCT1263	***
76			4	50	Nguyễn Trung Tín	11377			3	1	3	C.A306	DCT1263	*****
77			4	50	Nguyễn Trung Tín	11377			3	4	2	C.A306	DCT1263	*****
78	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Hà Thanh Dũng	11544	04		2	6	3	C.A109	DCT1264	*****
79			4	50	Hà Thanh Dũng	11544			2	9	2	C.A109	DCT1264	*****
80			4	50	Hà Thanh Dũng	11544			3	1	5	C.A109	DCT1264	***
81	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	05		4	6	3	C.A209	DCT1265	*****
82			4	50	Lai Đình Khải	10063			4	9	2	C.A409	DCT1265	*****

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
83	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	05		5	6	5	C.B003	DCT1265	***
84	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	06		2	6	5	C.A302	DKP1261	***
85			4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562			5	1	3	C.A303	DKP1261	*****
86			4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562			5	4	2	C.A303	DKP1261	*****
87	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562	07		3	1	5	C.A304	DNT1261	***
88			4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562			7	1	3	C.A304	DNT1261	*****
89			4	50	Nguyễn Quốc Phong	11562			7	4	2	C.A304	DNT1261	*****
90	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Lai Đình Khải	10063	15		3	6	5	C.E601	DKP1262	***
91			4	50	Lai Đình Khải	10063			6	6	3	C.E601	DKP1262	*****
92			4	50	Lai Đình Khải	10063			6	9	2	C.E601	DKP1262	*****
93	841302	Cơ sở lập trình	4	50	Nguyễn Trung Tín	11377	16		6	6	3	C.E604	DCT1266	*****
94			4	50	Nguyễn Trung Tín	11377			6	9	3	C.E604	DCT1266	*****
95	841322	Máy học	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01		7	6	3	C.A202	DKP1241	*****
96			4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675			7	9	2	C.A202	DKP1241	*****
97	841322	Máy học	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	02		4	1	3	1.C305	DNT1241	*****
98			4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675			4	4	2	1.C305	DNT1241	*****
99	841403	Cấu trúc rời rạc	4	90	Phạm Thế Bảo	11381	01		2	6	3	C.E603	DCT1261	*****
100			4	90	Phạm Thế Bảo	11381			2	9	2	C.E603	DCT1261	*****
101	841403	Cấu trúc rời rạc	4	90	Phạm Thế Bảo	11381	02		4	6	3	C.E503	DCT1262	*****
102			4	90	Phạm Thế Bảo	11381			4	9	2	C.E503	DCT1262	*****
103	841403	Cấu trúc rời rạc	4	90	Nguyễn Hòa	10943	03		4	1	3	C.E603	DNT1261	*****
104			4	90	Nguyễn Hòa	10943			4	4	2	C.E603	DNT1261	*****
105	841403	Cấu trúc rời rạc	4	90	Nguyễn Hòa	10943	04		2	1	2	C.A302	DKP1261	*****
106			4	90	Nguyễn Hòa	10943			2	3	3	C.A302	DKP1261	*****
107	841403	Cấu trúc rời rạc	4	90	Huỳnh Minh Trí	20766	13		4	6	3	C.A303	DCT1264	*****
108			4	90	Huỳnh Minh Trí	20766			4	9	2	C.A303	DCT1264	*****
109	841403	Cấu trúc rời rạc	4	90	Huỳnh Minh Trí	20766	14		6	1	2	C.A308	DCT1263	*****
110			4	90	Huỳnh Minh Trí	20766			6	3	3	C.A308	DCT1263	*****
111	841408	Kiểm thử phần mềm	4	60	Từ Lăng Phiêu	11636	01		7	1	3	C.A101	DCT1241	*****

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
112	841408	Kiểm thử phần mềm	4	60	Từ Lăng Phiêu	11636	01		7	4	2	C.A101	DCT1241	*****
113	841408	Kiểm thử phần mềm	4	60	Từ Lăng Phiêu	11636	02		5	1	3	1.C305	DCT1242	*****
114			4	60	Từ Lăng Phiêu	11636			5	4	2	1.C305	DCT1242	*****
115	841408	Kiểm thử phần mềm	4	60	Nguyễn Lê Thanh Trúc	11637	03		5	1	3	2.B302	DCT1243	*****
116			4	60	Nguyễn Lê Thanh Trúc	11637			5	4	2	2.B302	DCT1243	*****
117	841411	Quản trị mạng	4	90	Lương Minh Huấn	11364	01		5	9	2	C.A304	DKP1242	*****
118			4	90	Lương Minh Huấn	11364			6	1	3	C.A304	DKP1242	*****
119			4	90	Lương Minh Huấn	11364			6	4	2	C.A304	DKP1242	*****
120	841417	Mỹ thuật ứng dụng trong CNTT	2	90	Nguyễn Thị Thanh Trà	10390	01		4	1	3	1.A201	DCT1251	*****
121	841417	Mỹ thuật ứng dụng trong CNTT	2	90	Nguyễn Thị Thanh Trà	10390	02		3	1	3	1.C102	DCT1252	*****
122	841422	Ngôn ngữ lập trình Python	4	80	Nguyễn Trung Tín	11377	01		5	6	3	1.C204	DKP1251	*****
123			4	80	Nguyễn Trung Tín	11377			5	9	3	1.C204	DKP1251	*****
124	841429	Cơ sở dữ liệu nâng cao	4	70	Huỳnh Minh Trí	20766	01		2	1	3	2.A102	DCT1245	*****
125			4	70	Huỳnh Minh Trí	20766			2	4	2	2.A102	DCT1245	*****
126	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01		6	1	2	1.C202	DCT1231	*****
127			4	90	Từ Lăng Phiêu	11636			6	3	3	1.C202	DCT1231	*****
128	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	02		7	6	3	C.A102	DCT1232	*****
129			4	90	Từ Lăng Phiêu	11636			7	9	2	C.A102	DCT1232	*****
130	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Minh Cảnh	10969	03		6	1	3	2.B202	DCT1233	*****
131			4	90	Nguyễn Minh Cảnh	10969			6	4	2	2.B202	DCT1233	*****
132	841431	Quản lý dự án phần mềm	4	90	Nguyễn Minh Cảnh	10969	04		7	1	3	C.A303	DKP1231	*****
133			4	90	Nguyễn Minh Cảnh	10969			7	4	2	C.A303	DKP1231	*****
134	841432	Phân tích dữ liệu	4	90	Phan Thành Huấn	20795	01		5	6	2	1.C305	DCT1231	*****
135			4	90	Phan Thành Huấn	20795			5	8	3	1.C305	DCT1231	*****
136	841434	Thương mại điện tử và ứng dụng	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	01		3	6	2	1.C204	DCT1232	*****
137			4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556			3	8	3	1.C204	DCT1232	*****
138	841434	Thương mại điện tử và ứng dụng	4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556	02		5	1	2	C.A302	DKP1231	*****
139			4	90	Huỳnh Nguyễn Khắc Huy	11556			5	3	3	C.A302	DKP1231	*****
140	841438	Lập trình ứng dụng mạng	4	80	Nguyễn Võ Lam Giang	10944	01		2	1	3	C.A308	DCT1241	*****

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
141	841438	Lập trình ứng dụng mạng	4	80	Nguyễn Võ Lam Giang	10944	01		6	3	3	C.E603	DCT1241	*****
142	841438	Lập trình ứng dụng mạng	4	80	Nguyễn Võ Lam Giang	10944	02		2	4	2	C.A308	DCT1242	*****
143			4	80	Nguyễn Võ Lam Giang	10944			4	9	2	C.A001	DCT1242	*****
144			4	80	Nguyễn Võ Lam Giang	10944			6	8	3	C.A302	DCT1242	*****
145	841438	Lập trình ứng dụng mạng	4	80	Nguyễn Võ Lam Giang	10944	03		3	4	2	C.A303	DCT1243	*****
146			4	80	Nguyễn Võ Lam Giang	10944			4	1	3	C.E201	DCT1243	*****
147			4	80	Nguyễn Võ Lam Giang	10944			5	6	2	C.A308	DCT1243	*****
148	841438	Lập trình ứng dụng mạng	4	80	Trần Minh Nhật	11033	04		7	6	3	C.A208	DCT1244	*****
149			4	80	Trần Minh Nhật	11033			7	9	3	C.A208	DCT1244	*****
150	841443	Phân tích mạng truyền thông xã hội	3	70	Phan Tấn Quốc	10631	01		5	3	3	C.A304	DCT1233	*****
151	841444	Quản trị và bảo trì hệ thống	3	70	Nguyễn Trung Tín	11377	01		3	8	3	C.E303	DCT1234	*****
152	841445	Hệ thống ảo và khả năng mở rộng dữ liệu	3	70	Lương Minh Huân	11364	01		6	8	3	C.A412	DCT1233	*****
153	841447	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	4	30	Nguyễn Thanh Phước	11675	01		3	9	3	1.C305	DNT1251	*****
154			4	30	Nguyễn Thanh Phước	11675			5	1	3	1.A102	DNT1251	*****
155	841448	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	4	50	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	01		7	1	3	C.A201	DCT1243	*****
156			4	50	Nguyễn Tuấn Đăng	11453			7	4	2	C.A201	DCT1243	*****
157	841452	Tính toán thông minh	3	90	Huỳnh Minh Trí	20766	01		5	1	3	1.A202	DCT1234	*****
158	841453	Phân tích và nhận dạng mẫu	4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675	01		6	1	2	C.B109	DCT1235	*****
159			4	90	Nguyễn Thanh Phước	11675			6	3	3	C.B109	DCT1235	*****
160	841457	Học sâu	4	90	Nguyễn Tuấn Đăng	11453	01		4	1	3	1.A202	DCT1236	*****
161			4	90	Nguyễn Tuấn Đăng	11453			4	4	2	1.A202	DCT1236	*****
162	841458	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	4	80	Đỗ Như Tài	11742	01		7	6	2	C.E102	DNT1241	*****
163			4	80	Đỗ Như Tài	11742			7	8	3	C.E102	DNT1241	*****
164	841458	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	4	90	Phan Tấn Quốc	10631	02		7	6	2	C.A304	DCT1236	*****
165			4	90	Phan Tấn Quốc	10631			7	8	3	C.A304	DCT1236	*****
166	841467	Công nghệ .NET	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	01		3	1	3	1.C304	DCT1231	*****
167			4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991			3	4	2	1.C304	DCT1231	*****
168	841467	Công nghệ .NET	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	02		2	6	2	C.HTC	DCT1232	*****
169			4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991			2	8	3	C.E303	DCT1232	*****

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
170	841467	Công nghệ .NET	4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991	03		7	6	3	C.A103	DKP1231	*****
171			4	90	Nguyễn Thanh Sang	10991			7	9	2	C.A103	DKP1231	*****
172	841468	Chuyên đề J2EE	4	100	Nguyễn Thanh Phước	11675	01		7	1	2	C.E304	DCT1231	*****
173			4	100	Nguyễn Thanh Phước	11675			7	3	3	C.E304	DCT1231	*****
174	841468	Chuyên đề J2EE	4	100	Nguyễn Thanh Phước	11675	02		6	6	2	C.A303	DCT1232	*****
175			4	100	Nguyễn Thanh Phước	11675			6	8	3	C.A303	DCT1232	*****
176	841468	Chuyên đề J2EE	4	100	Nguyễn Thanh Phước	11675	03		4	6	3	1.C305	DKP1231	*****
177			4	100	Nguyễn Thanh Phước	11675			4	9	2	1.C305	DKP1231	*****
178	841476	Đồ án chuyên ngành (ngành CNTT, ngành KTPM)	4	90	Phan Tấn Quốc	10631	01		3	1	3	C.A308	DCT1221	*****
179			4	90	Phan Tấn Quốc	10631			3	4	2	C.A308	DCT1221	*****
180	841476	Đồ án chuyên ngành (ngành CNTT, ngành KTPM)	4	90	Trịnh Tấn Đạt	11383	02		7	6	2	C.A203	DCT1222	*****
181			4	90	Trịnh Tấn Đạt	11383			7	8	3	C.A203	DCT1222	*****
182	841476	Đồ án chuyên ngành (ngành CNTT, ngành KTPM)	4	90	Trần Đình Nghĩa	10601	03		6	6	2	C.A304	DKP1221	*****
183			4	90	Trần Đình Nghĩa	10601			6	8	3	C.E402	DKP1221	*****
184	841479	Kiến trúc phần mềm	4	90	Từ Lăng Phiêu	11636	01		2	6	2	C.A308	DKP1231	*****
185			4	90	Từ Lăng Phiêu	11636			2	8	3	C.A308	DKP1231	*****
186	841482	Seminar chuyên đề (ngành CNTT, ngành KTPM)	3	120	Nguyễn Quốc Huy	10600	01		4	6	3	C.E603	DCT1221	*****
187	841482	Seminar chuyên đề (ngành CNTT, ngành KTPM)	3	120	Phạm Thế Bảo	11381	02		5	3	3	C.E603	DCT1222	*****
188	841482	Seminar chuyên đề (ngành CNTT, ngành KTPM)	3	120	Phan Tấn Quốc	10631	03		3	6	3	C.E503	DKP1221	*****
189	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	70	Lương Minh Huân	11364	01		3	6	3	C.A304	DCT1261	*****
190			3	70	Lương Minh Huân	11364			3	9	2	C.A304	DCT1261	*****
191	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	70	Nguyễn Quốc Phong	11562	02		3	1	3	C.A304	DCT1262	*****
192			3	70	Nguyễn Quốc Phong	11562			3	4	2	C.A304	DCT1262	*****

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
193	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	70	Trần Việt Chương	11798	03		4	1	3	1.A503	DCT1263	*****
194			3	70	Trần Việt Chương	11798			4	4	2	1.A503	DCT1263	*****
195	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	70	Trần Việt Chương	11798	04		7	6	3	C.A302	DKP1261	*****
196			3	70	Trần Việt Chương	11798			7	9	2	C.A302	DKP1261	*****
197	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	70	Lương Minh Huân	11364	12		5	1	3	C.E503	DCT1264	*****
198			3	70	Lương Minh Huân	11364			5	4	2	C.E503	DCT1264	*****
199	841501	Nhập môn công nghệ thông tin và truyền thông	3	70	Nguyễn Quốc Phong	11562	13		2	6	3	C.A302	DCT1265	*****
200			3	70	Nguyễn Quốc Phong	11562			2	9	2	C.A302	DCT1265	*****
201	864005	Giải tích 1	3	80	Nguyễn Ái Quốc	10987	01		5	8	3	C.B109	DNT1261	*****
202			3	80	Nguyễn Ái Quốc	10987			6	9	2	C.E103	DNT1261	*****
203	864007	Đại số tuyến tính	3	105	Nguyễn Lương Thái Bình	10134	03		6	6	3	C.E403	DCT1261	*****
204			3	105	Nguyễn Lương Thái Bình	10134			7	1	2	C.A102	DCT1261	*****
205	864007	Đại số tuyến tính	3	105	Chê Thị Kim Phụng	10986	04		5	6	2	C.B108	DCT1262	*****
206			3	105	Chê Thị Kim Phụng	10986			6	6	3	C.B108	DCT1262	*****
207	864007	Đại số tuyến tính	3	105	Đào Thị Thanh Hà	11768	05		4	7	4	C.C105	DCT1263	*****
208	864007	Đại số tuyến tính	3	105	Nguyễn Lương Thái Bình	10134	06		2	4	2	C.A001	DCT1264	*****
209			3	105	Nguyễn Lương Thái Bình	10134			7	3	3	C.A102	DCT1264	*****
210	864007	Đại số tuyến tính	3	120	Phan Đức Tuấn	11051	07		7	1	4	C.E301	DKP1261	*****
211	864007	Đại số tuyến tính	3	120	Phan Đức Tuấn	11051	08		2	9	2	C.B107	DNT1261	*****
212			3	120	Phan Đức Tuấn	11051			6	1	2	C.E603	DNT1261	*****
213	872518	Lý thuyết đồ thị	4	55	Huỳnh Minh Trí	20766	01		3	6	3	1.A102	DCT1251	*****
214			4	55	Huỳnh Minh Trí	20766			3	9	3	1.A102	DCT1251	*****
215	872518	Lý thuyết đồ thị	4	55	Nguyễn Thanh Phước	11675	02		5	6	3	1.C302	DCT1252	*****
216			4	55	Nguyễn Thanh Phước	11675			5	9	3	1.C302	DCT1252	*****
217	872518	Lý thuyết đồ thị	4	55	Lê Tấn Long	11610	03		2	9	3	1.C305	DCT1253	*****

Thời khóa biểu đăng ký môn học

Học kỳ 1 - Năm học 2026 - 2027

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	Sĩ số	Họ và tên	Mã viên chức	Nhóm	Tổ TH	Thứ	Tiết BD	Số tiết	Mã phòng	Tên lớp	Tuần học
218	872518	Lý thuyết đồ thị	4	55	Lê Tấn Long	11610	03		6	6	3	C.A201	DCT1253	*****
219	872518	Lý thuyết đồ thị	4	55	Lê Tấn Long	11610	04		2	6	3	1.C305	DNT1251	*****
220			4	55	Lê Tấn Long	11610			6	9	3	C.A201	DNT1251	*****

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu